

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HSST

Ngày: 16/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé, cán bộ hưu trí
2. Ông Hồ Chí Cường, nghề nghiệp: cán bộ

Nơi công tác: Phòng Giáo dục huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST, ngày 22 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn N, sinh năm 1982; ĐKTT và chỗ ở: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Tài Xế; trình độ học vấn: 7/12; cha: Lê Văn H và mẹ: Trương Thị L (chết năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; Anh chị em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1987; vợ: Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1984; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2017 cho đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2/ Nguyễn Quốc K, sinh năm 1998; ĐKTT và chỗ ở: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; cha: Nguyễn Ngọc H và mẹ: Nguyễn Thị Ngọc A; tiền án, tiền sự: Không; Anh chị em ruột: Không có; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2017 cho đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

3/ Thạch T, sinh ngày 23/10/2000; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; Cha: Thạch T; mẹ: Thạch Thị A; Tiền án, tiền sự: Không; Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ

nhất sinh năm 2008; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

Người bào chữa cho bị cáo Thạch T: Ông Nguyễn Thành L – Luật sư thuộc Văn Phòng luật sư Trương H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

Người giám hộ cho bị cáo Thạch Tâm: Bà Thạch Thị A, sinh năm 1976; Trú tại: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh T.

Người bị hại:

- Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Hoàng H, sinh năm 1961 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Bùi Hoàng Q, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1984 (có mặt)

Trú tại: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh T

- Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1978 (có mặt)

- Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng trú tại: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Quốc K, Thạch T, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do có quen biết nhau từ trước, nên trước ngày 13/5/2017 khoảng một tuần, bị cáo Lê Văn N điện thoại cho bị cáo Nguyễn Quốc K, là người làm thuê cho bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1976 và ông Lê Văn S, sinh năm 1975, ngụ ấp K, xã H, huyện T, tỉnh T để lấy số tiền 1.500.000 đồng, do bị cáo K mượn trước đó nhưng bị cáo K chưa có tiền trả. Lúc này, bị cáo N nói “*Nuôi heo thua lỗ quá*”, rồi bị cáo K hỏi “*Anh nuôi heo được nhiều không mà than dữ vậy?*” thì bị cáo N trả lời “*Nuôi được một ít*”. Lúc đó, bị cáo N kêu bị cáo K lấy trộm thức ăn của bà T đưa cho bị cáo N đem bán, lấy tiền chia nhau tiêu xài thì bị cáo K đồng ý. Đồng thời, bị cáo K nói với bị cáo N khi nào lấy được thức ăn, sẽ điện thoại cho bị cáo N biết. Sau đó, bị cáo K hỏi bị cáo N “*Bán một bao thức ăn được bao nhiêu tiền*”, bị cáo N trả lời “*Bán lại cho người ta với giá rẻ, một bao 300.000 đồng*”, bị cáo N tiếp tục nói “*Tao còn chia lại cho anh em khác nữa*”, với mục đích là để bị cáo K bán thức ăn rẻ một chút, chứ

thực chất bị cáo N đem thức ăn về nhà cho gia súc ăn. Nghe vậy, bị cáo K nói với bị cáo N “*Nếu bán được, tôi lấy một bao 150.000 đồng, phần còn lại anh lấy*”, thì bị cáo N đồng ý. Lúc này, bị cáo K nói với bị cáo N khi nào có thức ăn, sẽ điện thoại cho bị cáo N biết thì bị cáo N đồng ý, rồi tắt máy.

Đến khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 13/5/2017 bị cáo K biết được bà T đi thành phố C, không có ai quản lý kho nên bị cáo K nảy sinh ý định lấy trộm thức ăn ở trong kho của bà T để cho bị cáo N đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi bà T đi thành phố C, bị cáo K điện thoại cho bị cáo N và nói “*Hôm nay có thức ăn nè, anh lấy không*”, bị cáo N nói “*Chắc lấy không được quá, anh đi Tiền Giang*”, bị cáo K nói tiếp “*Nếu không lấy, phần tiền em thiếu anh, lâu lắm mới trả được*” thì bị cáo N hỏi “*Sao vậy?*”, bị cáo K trả lời “*Vì em thiếu tiền dì T xài hết 5 - 6 triệu rồi, khi nào em trả hết tiền cho dì T thì em mới làm lấy tiền trả cho anh được*” thì lúc đó bị cáo N hỏi bị cáo K “*Bao nhiêu bao*”, bị cáo K nói “*10 bao*”, rồi bị cáo N nói “*Để anh điện cho ông kia lên chở thức ăn được không?*”. Lúc đó, bị cáo N tắt máy và điện thoại cho Thạch Tr, sinh năm 1976, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh T để thuê ông Tr chở thức ăn mỗi bao 10.000 đồng thì ông Tr đồng ý. Sau đó, ông Tr hỏi bị cáo N “*Chở thức ăn ở đâu?*” thì bị cáo N trả lời “*Chỗ bà T ở ngay chợ L*”, rồi bị cáo N nói với ông Tr “*Khi nào lên gần tới, anh điện thoại cho em*”, lúc này bị cáo N tắt máy và điện thoại lại cho bị cáo K và nói “*Lấy được, khi nào người chở thức ăn lên tới anh gọi điện cho em*”. Sau đó, bị cáo K đến gặp bị cáo Thạch T để rủ bị cáo T lấy trộm thức ăn của bà T, đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì được bị cáo T đồng ý.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, ông Tr điều khiển xe mô tô đến chỗ bà T và điện thoại cho bị cáo N biết thì bị cáo N kêu ông Tr chạy đến chỗ kho chứa thức ăn. Sau đó, bị cáo N điện thoại cho bị cáo K và nói “*Người chở thức ăn lên đến kho rồi, qua chỉ ổng lấy thức ăn đi*”. Nghe vậy, bị cáo K lấy chìa khóa kho được gắn trên xe mô tô, biển kiểm soát 84F5-4841, từ nhà bà T một mình đi bộ qua kho, lấy trộm 05 (năm) bao thức ăn, hiệu con cò C16, trọng lượng mỗi bao 40 kg để lên xe cho ông Trang chở về nhà bị cáo Nhuận và giao thức ăn cho vợ bị cáo N là Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1984, tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh T. Sau đó, bị cáo K khóa cửa kho lại và đi về nhà bà T, gặp bị cáo T và nói “*Tao mới lên thức ăn 05 bao cho người ta rồi, một lát có người gọi điện thoại cho tao thì mày qua kho mở cửa lấy thêm 05 bao nữa*” thì bị cáo T đồng ý. Khoảng 30 phút sau, bị cáo N tiếp tục gọi điện thoại cho bị cáo K, kêu bị cáo K qua mở cửa kho cho ông Tr chở thức ăn chuyến thứ hai. Nghe điện thoại xong, bị cáo K kêu bị cáo T qua mở kho lấy trộm 05 (năm) bao thức ăn, trong đó có 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C15; 01 (một) bao thức ăn, hiệu con cò C16; 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C64, trọng lượng mỗi bao 40 kg để

lên xe cho ông Tr chở về nhà của bị cáo N. Sau khi lấy trộm 05 (năm) bao thức ăn trên, bị cáo T quay lại nói cho bị cáo K biết “*Tao mới lên 05 bao thức ăn cho người ta rồi, tiền tính sao*”, bị cáo K trả lời “*Để từ từ tao tính cho*”, đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo T gặp bị cáo K để hỏi mượn số tiền 200.000 đồng để tiêu xài thì bị cáo K đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo K gặp bị cáo T và nói “*Chút nữa về, mày đi qua kho lấy giùm tao 02 bao thức ăn*”, bị cáo T hỏi “*Để làm gì*”, bị cáo K trả lời “*Dem về nhà cho heo tao ăn*” thì bị cáo T nói “*Lát qua kho rồi tính*”. Sau đó, bị cáo K chạy xe mô tô qua trước, còn bị cáo T đi bộ qua sau. Lúc này, bị cáo K mở cửa kho và kêu bị cáo T lấy giùm 02 (hai) bao thức ăn nhưng bị cáo T không đồng ý nên bị cáo K tự lấy 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò Bio –Zeen, super +, loại 20-50, trọng lượng mỗi bao 25 kg để lên xe, rồi nhờ bị cáo T khóa cửa lại. Sau đó, bị cáo K chở về nhà cha mẹ là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1976 và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1978, ngụ ấp P, xã S, huyện C, tỉnh T, còn bị cáo T cũng đi về nhà. Đồng thời, bị cáo K điện thoại cho bị cáo N, kêu bị cáo N bán được thức ăn được số tiền 1.500.000 đồng, trừ vào số tiền mà bị cáo K đã mượn trước đó thì bị cáo N đồng ý.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, bà T qua kho kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm 12 (mười hai) bao thức ăn gồm: 06 (sáu) bao thức ăn, hiệu con cò C16; 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C15; 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C64, trọng lượng mỗi bao 40 kg và 02 (hai) bao thức ăn Bio –Zeen, super +, loại 20-50, trọng lượng mỗi bao 25 kg. Sau khi phát hiện bị mất trộm, bà T hỏi bị cáo K và bị cáo T có lấy trộm thức ăn không nhưng bị cáo K và bị cáo T không thừa nhận nên bà T đã trình báo đến cơ quan Công an.

Sau khi tiếp nhận được tin báo, cơ quan Công an mời Lê Văn N; Nguyễn Quốc K và Thạch T làm việc. Qua làm việc, tất cả đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của Lê Thị Thu T và Lê Văn S.

Vật chứng thu giữ gồm có:

- Thu giữ của ông Nguyễn Ngọc H: 01 (một) bao thức ăn, hiệu con cò Bio –Zeen, super +, loại 20-50, trọng lượng 25 kg, chưa sử dụng và 01 (một) bao thức ăn, hiệu con cò Bio –Zeen, super +, loại 20-50, đã sử dụng, trọng lượng còn lại là 16 kg.

- Thu giữ của bị cáo Lê Văn N: 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 4, màu trắng, có số thuê bao 01222.844.877, đã qua sử dụng.

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc K: 01 (một) điện thoại di động, hiệu VIVO, màu đen, có số thuê bao 01642.460.230, đã qua sử dụng.

- Thu giữ của bị cáo Thạch T: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO neo 7, màu đen, có số thuê bao 01869.643.362, đã qua sử dụng.

Sau khi làm rõ số tài sản bị mất trộm, cơ quan Công an đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản:

Tại bản kết luận số 31 ngày 09/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận:

- 06 (sáu) bao thức ăn, hiệu con cò C16, trọng lượng mỗi bao 40 kg, có giá trị thành tiền là 2.100.000 đồng.

- 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C15, trọng lượng mỗi bao 40 kg, có giá trị thành tiền là 722.200 đồng.

- 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C64, trọng lượng mỗi bao 40 kg, có giá trị thành tiền là 600.000 đồng.

- 02 (hai) bao thức ăn Bio –Zeen, super +, loại 20-50, trọng lượng mỗi bao 25 kg, có giá trị thành tiền là 454.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.876.200 đồng.

Ngoài ra, bị cáo K và bị cáo T thừa nhận còn bàn bạc với nhau lấy trộm tài sản trong kho của bà Lê Thị Thu T và Lê Văn S. Cụ thể như sau:

1/ Lần thứ nhất: Khoảng ngày 06/5/2017 trong lúc nói chuyện với nhau tại nhà bà T, bị cáo K rủ bị cáo T lấy trộm tài sản của bà T, đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì bị cáo T đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ ngày 08/5/2017, bị cáo K điều khiển xe mô tô chạy qua kho trước, còn bị cáo T đi bộ qua kho, lấy trộm 15 (mười lăm) thùng bia sư tử trắng, loại 24 lon/thùng để lên xe cho bị cáo K, còn bị cáo T đóng cửa kho lại và đi về nhà. Sau đó, bị cáo K điện thoại cho Q hỏi đường đi và trực tiếp chở đi bán cho Q nhưng không giao tại nhà Q mà giao tại nhà cha mẹ Q tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh T, do giữa bị cáo K và Q thỏa thuận trước với nhau. Khi đến nhà, bị cáo K giao tài sản trên cho cha của Q là Bùi Hoàng H, sinh năm 1961 và được ông H trả số tiền 1.950.000 đồng. Đến sáng ngày 09/5/2017 bị cáo K gặp bị cáo T và chia cho bị cáo T số tiền 500.000 đồng.

Tại bản kết luận số 32 ngày 09/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận: 15 (mười lăm) thùng bia sư tử trắng, loại 24 lon/thùng, có giá trị thành tiền 2.850.000 đồng.

2/ Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 09/5/2017, bị cáo K cùng với bị cáo T lấy trộm 05 (năm) thùng bia sư tử trắng, loại 24 lon/thùng; 06 (sáu) thùng nước mắm, hiệu Nam ngư đệ nhị, mỗi thùng gồm 15 chai, thể tích 900ml, rồi bị cáo K trực tiếp giao tài sản trên cho mẹ của Q là Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 và được bà T trả số tiền với số tiền 1.730.000 đồng. Đến sáng ngày 10/5/2017 bị cáo K gặp bị cáo T và chia cho T số tiền 400.000 đồng.

Tại bản kết luận số 33 ngày 09/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận:

- 05 (năm) thùng bia sư tử trắng, loại 24 lon/thùng, có giá trị thành tiền là 950.000 đồng.

- 06 (sáu) thùng nước mắm, hiệu Nam ngư đệ nhị, mỗi thùng gồm 15 chai, thể tích 900ml, có giá trị thành tiền là 1.350.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 2.300.000 đồng.

Đồng thời, cũng khoảng 19 giờ ngày 10/5/2017, bị cáo K cùng với bị cáo T lấy trộm 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Nha đam Lô Hội, mỗi thùng gồm 24 chai nhựa, loại 350ml; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Sting, mỗi thùng 24 chai nhựa, loại 330ml; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Trà Ô Long Tea +Plus, mỗi thùng 24 chai nhựa, loại 350ml; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Trà thảo mộc Dr.Thanh, mỗi thùng 24 chai nhựa, loại 350ml; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Twiser (Cam ép), mỗi thùng 24 chai nhựa, loại 350ml để lên xe cho bị cáo K. Lấy tài sản xong, bị cáo T đóng cửa kho lại và đi về nhà, còn bị cáo K trực tiếp giao tài sản cho bà T và được bà T trả số tiền 1.280.000 đồng. Đến sáng ngày 11/5/2017 bị cáo K gặp bị cáo T và chia cho T số tiền 500.000 đồng.

Tại bản kết luận số 34 ngày 09/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận:

- 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Nha đam Lô Hội, mỗi thùng gồm 24 chai nhựa, loại 350ml, có giá trị thành tiền là 260.000 đồng.

- 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Sting, mỗi thùng 24 chai nhựa, loại 330ml, có giá trị thành tiền là 350.000 đồng.

- 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Trà Ô Long Tea +Plus, mỗi thùng 24 chai nhựa, loại 350ml, có giá trị thành tiền là 240.000 đồng.

- 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Trà thảo mộc Dr.Thanh, mỗi thùng 24 chai nhựa, loại 350ml, có giá trị thành tiền là 380.000 đồng.

- 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Twiser (Cam ép), mỗi thùng 24 chai nhựa, loại 350ml, có giá trị thành tiền là 360.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.590.000 đồng.

Như vậy, vào ngày 13/5/2017 bị cáo Lê Văn N có hành vi cùng với bị cáo K và bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo N và bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tài sản là 10 (mười) bao thức ăn, giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.422.200 đồng. Riêng bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tài sản là 12 (mười hai) bao thức ăn, với giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.876.200 đồng. Đồng thời, bị cáo K và bị cáo Tâm còn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần trộm cắp

tài sản vào ngày 08/5/2017, với giá trị tài sản bị thiệt hại là 2.850.000 đồng và ngày 09/5/2017, với giá trị tài sản bị thiệt hại là 2.300.000 đồng. Riêng lần trộm cắp tài sản vào ngày 10/5/2017, với giá trị tài sản bị thiệt hại 1.590.000 đồng, chưa đủ định lượng nên không đặt ra để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo K và bị cáo T.

Đối với Thạch Tr là người chở thuê thức ăn cho bị cáo N nhưng ông Tr không biết thức ăn trên có được từ việc lấy trộm nên chưa đủ cơ sở để xử lý.

Đối với Trương Thị Ngọc T; Nguyễn Thị Ngọc A; Nguyễn Ngọc H; Bùi Hoàng Q; Bùi Hoàng H và Nguyễn Thị T có hành vi tiêu thụ tài sản nhưng do không biết bị cáo N; bị cáo K và bị cáo T trộm cắp mà có nên chưa đủ cơ sở để xử lý.

Đối với tài sản gồm: 10 (mười) bao thức ăn gồm 06 (sáu) bao thức ăn, hiệu con cò C16; 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C15; 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C64, sau khi ông Tr chở về nhà bị cáo N thì bị cáo N và Trương Thị Ngọc T đã cho gia súc ăn hết. Riêng 09 kg thức ăn, hiệu con cò Bio –Zeen, super +, loại 20-50 mà bị cáo K lấy trộm đem về nhà thì Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thị Ngọc A đã cho gia súc ăn hết. Đối với 20 (hai mươi) thùng bia sư tử trắng; 06 (sáu) thùng nước mắm, hiệu Nam ngư đệ nhị; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Nha đam Lô Hội; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Sting; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu trà Ô Long Tea +Plus; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Trà thảo mộc Dr.Thanh; 02 (hai) thùng nước uống giải khát, hiệu Twiser. Bị cáo K chở đem bán cho Bùi Hoàng Q nhưng Q không đem về nhà bán mà gửi Bùi Hoàng H và Nguyễn Thị T bán hết cho khách hàng nên tất cả số tài sản trên cơ quan Công an không thu giữ được nên không đặt ra để xử lý.

Đối với số tiền 3.560.000 đồng là tài sản mà bị cáo K bán tài sản trộm cho Bùi Hoàng Q thì bị cáo K đã tiêu xài cá nhân hết. Riêng số tiền 1.400.000 đồng mà bị cáo K chia cho bị cáo T thì bị cáo T dùng để mua 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO neo 7, màu đen, với số tiền 2.990.000 đồng và điện thoại trên cơ quan Công an đã tạm giữ.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Công an đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại: 01 (một) bao thức ăn, hiệu con cò Bio –Zeen, super +, loại 20-50, trọng lượng 25 kg và 01 (một) bao thức ăn, hiệu con cò Bio –Zeen, super +, loại 20-50, trọng lượng còn lại là 16 kg, cho bị hại Lê Thị Thu T và Lê Văn S, theo quy định pháp luật.

Tại cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Quốc K, Thạch T về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tiểu Cần vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Lê Văn N vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc K vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, n khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù.

Đối với bị cáo Thạch T vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Lê Văn N: 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 4, màu trắng, có số thuê bao: 01222.844.877, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Quốc K: 01 (một) điện thoại di động, hiệu VIVO, màu đen, có số thuê bao: 01642.460.230, đã qua sử dụng.

- Giao cho cơ quan thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục quản lý của bị cáo Thạch T: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu đen, có số thuê bao: 01869.643.362, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Phía các bị hại yêu cầu các bị cáo khắc phục hậu quả với số tiền 10.636.200 đồng. Đồng thời, gia đình các bị cáo đã khắc phục hậu quả cho các bị hại xong nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Thạch T đề nghị: Thống nhất các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Thạch T, nhưng do bị cáo là người dân tộc, khi phạm tội còn là vị thành niên, nên đề nghị áp dụng Điều 60 cho bị cáo được hưởng án treo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với những lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 13/5/2017, bị cáo Lê Văn N cùng với bị cáo Nguyễn Quốc Kt và bị cáo Thạch T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Lê Thị Thu T và Lê Văn S gồm: 06 (sáu) bao thức ăn, hiệu con cò C16; 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C15; 02 (hai) bao thức ăn, hiệu con cò C64, trọng lượng mỗi bao 40kg và 02 (hai) bao thức ăn Bio –Zeen, super +, loại 20-50, trọng lượng mỗi bao 25kg. Trong đó, bị cáo Lê Văn N và bị cáo Thạch T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tài sản là 10 (mười) bao thức ăn, giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.422.200 đồng (*Ba triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*). Riêng bị cáo Nguyễn Quốc K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tài sản là 12 (mười hai) bao thức ăn, với giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.876.200 đồng (*Ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm đồng*).

Ngoài ra, bị cáo K và bị cáo T thừa nhận vào ngày 08/5/2017 lấy trộm tài sản của Lê Thị Thu T và Lê Văn S: 15 (mười lăm) thùng bia sư tử trắng, loại 24 lon/thùng, giá trị tài sản bị thiệt hại là 2.850.000 đồng (*Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) và ngày 09/5/2017 lấy trộm 05 (năm) thùng bia sư tử trắng, loại 24 lon/thùng; 06 (sáu) thùng nước mắm, hiệu Nam ngư đệ nhị, mỗi thùng gồm 15 chai, thể tích 900ml, giá trị tài sản bị thiệt hại là 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

Cho nên cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 21/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Quốc K, Thạch T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản bất khả xâm phạm của công dân, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật; các bị cáo đều có công việc ổn định, nhưng do lòng tham, thích thụ hưởng trên công sức của người khác nên đã lao vào con đường phạm tội. Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, nên về vai trò, hậu quả gây ra của các bị cáo có khác nhau, trong đó bị cáo N chủ động gợi ý bị cáo K, bị cáo K rủ rê bị cáo T thực hiện lấy trộm 10 bao thức ăn của bà T; bị cáo K cùng bị cáo T còn thực hiện ba lần trộm cắp tài sản của bà T vào các ngày 8, 9

và 10 tháng 5 năm 2017, trong đó có hai lần trộm cắp các ngày 8 và ngày 9 tháng 5 năm 2017 đủ định lượng, đồng thời bị cáo K còn trộm riêng 02 bao thức ăn của bà T, nên khi lượng hình thì bị cáo K cần xử nặng hơn các bị cáo khác. Từ những cơ sở đó, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát thì mới có tác dụng răn đe đối với các bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo N, K, T sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tác động gia đình bồi thường khắc phục xong thiệt hại cho phía người bị hại, người bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo, các bị cáo không có tiền án, tiền sự nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ chung tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Riêng bị cáo N còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là gia đình có công với cách mạng được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo K và bị cáo T tự thú trong các lần trộm cắp vào các ngày 8,9 tháng 05 năm 2017 nên còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm o khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự, nhưng cùng có tình tiết tăng nặng tại điểm g là phạm tội nhiều lần, riêng bị cáo K có hành vi xúi giục người chưa thành niên phạm tội nên bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng tại điểm n khoản 1 Điều 48, Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để áp dụng hình phạt khi lượng hình đối với các bị cáo.

Chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên về hình phạt đối với các bị cáo.

Không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Tâm về việc đề nghị áp dụng điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo T được hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Nghĩ nên xử lý như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Quốc K, Thạch T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/6/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, n khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/6/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thạch T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt để chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong, người bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Lê Văn N: 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 4, màu trắng, có số thuê bao: 01222.844.877, đã qua sử dụng.
- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Quốc K: 01 (một) điện thoại di động, hiệu VIVO, màu đen, có số thuê bao: 01642.460.230, đã qua sử dụng.
- Giao cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục quản lý của Thạch T: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu đen, có số thuê bao: 01869.643.362, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Quốc K, Thạch T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiểu Cần;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Công an huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh (phòng GDKT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Chí Cường- Nguyễn Văn Bé

Phạm Văn Long